

TOÀ ÁN ND Q.LIÊN CHIỂU CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 39/2020/HNGĐ-ST

Ngày 28.9.2020

V/v tranh chấp: “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU, TP ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Phạm Thanh Thủy.**

Các Hội thẩm nhân dân: **Bà Huỳnh Thị Lệ và ông Nguyễn Công Chi**

- Thư ký phiên tòa: **Bà Trần Ngô Khánh Loan** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng tham gia phiên tòa: **Bà Phạm Ái Linh** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 181/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2020 về “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 24.8.2020, quyết định hoãn phiên tòa số 33/2020/QĐST-HN ngày 11.9.2020 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Trần Thị Kim T - Sinh năm 1991. Trú tại: tổ 2, thôn Phương Trung, xã ĐQ, huyện ĐL, tỉnh Quảng Nam (có mặt)

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Nhân T- sinh năm 1984. Trú tại: tổ 34 cũ (24 mới), phường HHN, quận Liên Chiểu, TP.Đà Nẵng.(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo đơn xin ly hôn, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Trần Thị Kim T trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Nguyễn Nhân T kết hôn năm 2019, có đăng ký kết hôn tại UBND phường HHN, quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng tôi chung sống tại tổ 34 phường HHN, quận Liên Chiểu, Tp Đà Nẵng.

Trong quá trình chung sống vợ chồng tôi phát sinh nhiều mâu thuẫn là do tính tình không hợp, không còn yêu thương nhau, đỉnh điểm là tháng 02.2019 chồng tôi có nợ trước hôn nhân số tiền 20.838.628 đồng tôi và gia đình đã cố gắng lo trả nợ, nhưng khi tôi nghĩ việc về nhà cha mẹ ruột sinh con thì chồng tôi lại đem xe máy của tôi đi cầm, trong lúc tôi sinh con chồng không hề có trách nhiệm gì với vợ và con, nay chúng tôi đã không còn chung sống với nhau nữa. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn,

cuộc sống gia đình không hạnh phúc nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Nguyễn Nhân T.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống chúng tôi có 01 con chung là Nguyễn Trần Anh T, sinh ngày 05.7.2019 ly hôn tôi xin nuôi con chung và không yêu cầu ông Nguyễn Nhân T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: tôi xác nhận không có.

*** Bị đơn là ông Nguyễn Nhân T** không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

*** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu:**

- Về thủ tục tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn bà Trần Thị Kim T kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án; bị đơn ông Nguyễn Nhân T không chấp hành nghiêm pháp luật, vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

- Về nội dung vụ án: xét thấy về quan hệ hôn nhân mâu thuẫn của bà Trần Thị Kim T và ông Nguyễn Nhân T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn vợ chồng đã được UBND xã ĐQ, huyện ĐL xác nhận nên căn cứ vào Điều 51, 56 Luật HNGĐ đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Kim T.

Về con chung có 01 con chung là Nguyễn Trần Anh T, sinh ngày 05.7.2019. Con chung dưới 36 tháng tuổi nên 81,82,83 Luật HNGĐ giao con chung cho bà T nuôi dưỡng, bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

- Về tài sản chung: không yêu cầu nên không xem xét

- Nợ chung: Bà Trần Thị Kim T xác nhận không có nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Tranh chấp ly hôn bà Trần Thị Kim T và ông Nguyễn Nhân T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải: Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho đương sự vắng mặt theo quy định tại Điều 208, 209, 210, 211 của BLTTDS. Tại phiên tòa hôm nay, Nguyên đơn không xuất trình thêm chứng cứ mới.

Tại phiên toà lần thứ nhất ngày 11.9.2020 và cũng như phiên toà hôm nay Toà án đã triệu tập, niêm yết công khai Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên toà đối với bị đơn ông Nguyễn Nhân T, nhưng ông Nguyễn Nhân T vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án xét xử vắng mặt ông Nguyễn Nhân T.

[2].Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Kim T và ông Nguyễn Nhân T thì thấy:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Bà Trần Thị Kim T và ông Nguyễn Nhân T kết hôn năm 2019, có đăng ký kết hôn tại UBND phường HHN, quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại tổ 34 phường HHN, quận Liên Chiểu, Tp Đà Nẵng.

Theo bà Trần Thị Kim T trình bày trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn là do tính tình không hợp, không còn yêu thương nhau, đỉnh điểm là tháng 02.2019 ông T có nợ trước hôn nhân số tiền 20.838.628 đồng bà T và gia đình đã cố gắng lo trả nợ, nhưng khi bà T nghĩ việc về nhà cha mẹ ruột sinh con thì ông T lại đem xe máy của bà T đi cầm, trong thời gian nghĩ sinh con ông T không hề có trách nhiệm gì với vợ và con, hiện nay bà T và ông T đã không còn chung sống với nhau nữa. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống gia đình không hạnh phúc nên bà T đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Nguyễn Nhân T.

Trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa hôm nay ông T không đến Tòa án để trình bày ý kiến và tham gia tố tụng điều này thể hiện ông T không có mong muốn đoàn tụ, bỏ mặc cho mâu thuẫn gia đình ngày càng trầm trọng, thể hiện thái độ không tôn trọng pháp luật nên phải chịu hậu quả pháp lý về việc vắng mặt này.

Theo đơn xác minh tại UBND phường HHN, quận Liên Chiểu, Tp Đà Nẵng thì cuộc sống vợ chồng giữa bà T và ông T như thế nào không rõ và theo đơn xin xác nhận của bà T được UBND xã ĐQ xác nhận hiện nay bà T cùng con gái đang sinh sống tại nhà ba mẹ ruột của mình tại xã ĐQ, huyện ĐL. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông T đã không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, việc bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật HNGĐ năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- **Về quan hệ con chung:** Bà Trần Thị Kim T khai nhận bà và ông Nguyễn Nhân T 01 con chung là Nguyễn Trần Anh T, sinh ngày 05.7.2019. Ly hôn bà T xin nuôi con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

HĐXX thấy việc giao con chung cho người trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng sau ly hôn phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Hiện nay bà T đang chung sống với con chung, con chung dưới 36 tháng tuổi. Do đó, HĐXX xét thấy cần giao con chung cho bà T nuôi dưỡng chăm sóc là đảm bảo quyền và lợi ích về mọi mặt của cháu và hoàn toàn phù hợp với Điều 81,82,83 Luật HNGĐ.

Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: bà T không yêu cầu nên không xem xét

- **Về tài sản chung:** bà T không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

- **Về nợ chung:** bà T xác nhận không có nên HĐXX không xem xét.

Nếu sau này bà T và ông T có tranh chấp về vấn đề tài sản chung và nợ chung thì có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện dân sự khác.

- **Về án phí:** Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì án phí HNGĐ sơ thẩm là 300.000 đồng ông Trần Thị Kim T phải nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các Điều 51, 53, 54, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của bà Trần Thị Kim T và ông Nguyễn Nhân T

Tuyên xử: bà Trần Thị Kim T, sinh năm 1991, được ly hôn với ông Nguyễn Nhân T, sinh năm 1984.

Giấy chứng nhận kết hôn số 04/2017 của UBND phường HHN, quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng cấp ngày 18.01.2019 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Tuyên xử: Giao con chung là Nguyễn Trần Anh T, sinh ngày 05.7.2019 cho bà Trần Thị Kim T trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc đến tuổi trưởng thành.

Bà Trần Thị Kim T không yêu cầu ông Nguyễn Nhân T cấp dưỡng tiền nuôi con.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng tiền nuôi con.

3. Về tài sản chung: bà Trần Thị Kim T không yêu cầu.

4. Về nợ chung: bà Trần Thị Kim T xác nhận không có.

5. Về án phí: Án phí HNGĐ sơ thẩm 300.000 đồng bà T phải nộp, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0004425 ngày 01.6.2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, Tp Đà Nẵng. Như vậy, bà T đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện Kiểm sát Liên Chiểu;
- Chi cục Thi hành án Liên Chiểu;
- UBND phường HHN
q. Liên Chiểu, TPĐN;
- Sở Tư pháp
- Hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thanh Thủy